

Bản án số: 223/2024/DS-ST
Ngày 31 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Lê Văn Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đàm D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm D tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 362/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL; Địa chỉ cư trú: Số 40-42-44 Phạm Hồng Th, Phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Gm đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V, chức vụ: Phó tổng Gm đốc

Người được ông V uỷ quyền: Ông Huỳnh Lê M Ng, chức vụ: Quản lý cao cấp khách hàng cá nhân, Phòng giao dịch Đàm D, chi nhánh Cà Mau (Giấy uỷ quyền số 816/UQ-NHKL ngày 24/10/2023). (Vắng mặt)

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Ph, xã Tạ An Kh, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Lê Ngọc B, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Ph, xã Tạ An Kh, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện Ngân hàng TMCP KL - anh Ng trình bày:*

Vào ngày 27/02/2020, chị B và anh N có hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo Hợp đồng tín dụng số 329/19/HĐTD/2001-5415 ngày 27/02/2020, số vốn vay là 100.000.000 đồng, mục đích vay nhằm sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 180 ngày, lãi suất 16%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên số nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, hình thức thanh toán: trả gốc và lãi hằng ngày, mỗi ngày 599.376 đồng, ngày cuối 602.176 đồng.

Hợp đồng tín dụng được bảo đảm bởi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 329/19/HĐTC-BDS/2001-5415 ngày 19/6/2019 được ký kết giữa đại diện ngân hàng với anh N và chị B. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay là quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản, diện tích 311,8m², tọa lạc ấp Tân Ph, xã Tạ An Kh, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau, thuộc thửa đất số 324, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE886724 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/02/2017 đứng tên Lê Ngọc B. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đàm D ngày 21/6/2019.

Quá trình vay vốn, anh N và chị B chỉ thanh toán cho Ngân hàng một phần vốn lãi đến ngày 11/4/2020. Khi đến hạn thanh toán Ngân hàng nhiều lần thông báo, nhắc nhở anh N và chị B, anh chị có cam kết nhiều lần nhưng không thực hiện.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị Lê Ngọc B, anh Nguyễn Thành N trả tổng số tiền tính đến ngày 31/7/2024 là 151.733.867 đồng (một trăm năm mươi một triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2024 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp chị Lê Ngọc B và anh Nguyễn Thành N không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành N và chị Lê Ngọc B:* Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu anh N và chị B trả tổng số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 151.733.867 đồng và lãi phát

sinh kê từ ngày xét xử đến khi thu hồi hết nợ. Trường hợp anh N và chị B không thực hiện việc thanh toán nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; án lệ số 08; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL, buộc ông N và chị B trả cho ngân hàng số tiền vốn lãi 151.733.867 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và cho phép Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo khoản tiền vay để thu hồi nợ, nếu trường hợp anh N và chị B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Chi phí xem xét tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Ng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N và chị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp và đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu anh N và chị B trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 19/6/2019, Ngân hàng và anh N, chị B ký kết hợp đồng tín dụng số 329/19/HĐTD/2001-5415. Đồng thời, anh N và chị B có ký hợp đồng thế chấp số 329/19/HĐTC-BDS/2001-5415 ngày 19/6/2019 là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 324, tờ bản đồ số 5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 886724 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/02/2017 với Ngân hàng để bảo đảm khoản nợ vay của anh N và chị B.

[4] Xét hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng với anh N và chị B về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự Ng, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 31/7/2024 anh N và chị

B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vốn lãi là 151.733.867 đồng. Như vậy, việc anh N và chị B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Đối với anh N và chị B, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện của Ngân hàng, nhưng không phản đối bằng văn bản và không thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng M theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng M được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp anh N và chị B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Theo khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm D tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận; anh Nguyễn Thành N và chị Lê Ngọc B phải chịu án phí số tiền 7.587.000 đồng ($151.733.867 \text{ đồng} \times 5\% = 7.587.000 \text{ đồng}$).

[10] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên anh N và chị B phải chịu chi phí tố tụng theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

1. Buộc anh Nguyễn Thành N và chị Lê Ngọc B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền là 151.733.867 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp anh Nguyễn Thành N và chị Lê Ngọc B không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng đã ký kết, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là Quyền sử dụng đất tổng diện tích 311,8m² tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Tạ An Kh, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/02/2017 cho bà Lê Ngọc B đứng tên để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng 3.639.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001283 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D, được nhận lại.

4.2. Anh Nguyễn Thành N và chị Lê Ngọc B phải chịu 7.587.000 đồng (bảy triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

5. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Thành N và chị Lê Ngọc B phải chịu chi phí là 700.000 đồng. Buộc anh Nguyễn Thành N và chị Lê Ngọc B phải có nghĩa vụ nộp số tiền 700.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét tại chỗ, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Ng thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai**